**ÔN TẬP CUỐI HKI – TIN 12**

Câu 1. Phần đuôi của tên tập tin trong Access là:

1. DOC b) TEXT c) XLS d) accdb

Câu 2. Các chức năng chính của Access:

1. Lập bảng c) Lưu trữ dữ liệu
2. Tính toán và khai thác dữ liệu d) Ba câu trên đều đúng

Câu 3. Chức năng cung cấp môi trường cập nhật và khai thác dữ liệu của hệ quản trị cơ sở dữ liệu nhằm thực hiện việc:

1. Phát hiện và ngăn chặn truy cập trái phép c) Duy trì tính nhất quán của dữ liệu
2. Mô tả dữ liệu d) Nhập, sửa, xóa dữ liệu.

Câu 4. Các đối tượng chính của Access là:

1. Table, Form, Field, Query c) Field, Record, Table, Query
2. Query, Table, Wizard, Form d) Table, Query, Form, Report

Câu 5. Trong Access, ta có thể sử dụng biểu mẫu để :

1. Nhập dữ liệu c) Sửa cấu trúc bảng
2. Tính toán cho các trường tính toán d) Lập báo cáo

Câu 6. Để tạo một tệp cơ sở dữ liệu CSDL mới trong Access, ta phải:

1. Vào File chọn New
2. Kích vào biểu tượng New.
3. Khởi động Access, vào Window chọn New hoặc kích vào biểu tượng New Document.
4. Khởi động Access, vào File chọn New hoặc kích vào biểu tượng New, kích tiếp vào Blank DataBase.

Câu 7. Thoát khỏi Access bằng cách:

1. Vào File - Quit c) Trong cửa sổ CSDL, click nút (X) nằm ở cửa sổ Access
2. Trong cửa sổ CSDL, vào File - Exit d) Câu b và c

Câu 8. Muốn nhập dữ liệu cho bảng thì bảng đó phải được hiển thị ở chế độ:

1. Trang dữ liệu c) Thiết kế
2. Cả 2 phương án A,B đúng d) Cả 2 phương án A, B sai

Câu 9. Trong Access, để tạo một bảng mới trong chế độ thiết kế, ta chọn lệnh nào sau đây là đúng:

1. Create Table in Design View c) Nháy đúp chuột vào tên bảng
2. Create Table by entering data d) Create Table by using wizard

Câu 10. Cấu trúc bảng được xác định bởi :

1. Các bản ghi dữ liệu c) Các trường và thuộc tính của nó
2. Thuộc tính của bảng d) Các thuộc tính của đối tượng cần quản lý

Câu 11. Trong Access, một bản ghi được tạo thành từ dãy các :

1. Tệp b) Bản ghi khác c) Cơ sở dữ liệu d) Trường

Câu 12. Khi chọn kiểu dữ liệu cho trường số điện thoại (không tham gia tính toán) nên chọn loại nào

1. Number b) Date/Time c) Autonumber d) Text

Câu 13. Chọn kiểu dữ liệu nào cho trường điểm Tóan, Lý....

1. Number b) Currency c) Yes/No d) AutoNumber

Câu 14. Khi chọn dữ liệu cho các trường chỉ chứa một trong hai giá trị như gioitinh, trường đơn đặt hàng đã hoặc chưa giải quyết...nên chọn kiểu dữ liệu để sau này nhập dữ liệu cho nhanh.

1. Text b) Number c) Yes/No d) Auto Number

Câu 15. Trong Access, tính chất Field Size của trường dùng để:

1. Định dạng cách hiển thị của trường c) Đặt kích thước tối đa cho dữ liệu lưu trong trường
2. Quy định kiểu dữ liệu cho trường d) Thay thế tên trường bằng các phụ đề dễ hiểu

Câu 16. Trong Access tính chất Field size chỉ áp dụng được cho những kiểu dữ liệu:

 a) Currency, Yes/no b) Yes/no, Date/time

 c) Memo d) Text, Number, AutoNumber

Câu 17. Kiểu trường (Data type) dùng để làm gì ?

 a. Nó không tác động gì vào dữ liệu người dùng.

 b. Nó dùng để tác động đến đối tượng lập trình.

 c. Quy định dữ liệu đưa vào cho phù hợp với người dùng.

 d. Nó dùng để thiết lập thuộc tính đúng – sai của dữ liệu.

Câu 18. Giả sử, trường Email có giá trị là : 1234@yahoo.com Hãy cho biết trường Email có kiểu dữ liệu gì ?

1. Text b) Number c) AutoNumber d) Currency

Câu 19. Trong Access, dữ liệu kiểu ngày tháng được khai báo bằng tên nào?

1. Day/Type b) Date/Type c) Day/Time d) Date/Time

Câu 20. Trong Access, nút lệnh này có ý nghĩa gì ?

1. Mở tệp cơ sở dữ liệu. c) Chỉ định khoá chính.
2. Cài mật khẩu cho tệp cơ sở dữ liệu. d) Khởi động Access.

Câu 21. Để chỉ định khóa chính cho một bảng, sau khi chọn trường, ta thực hiện:

1. Chọn Table - Edit key; c) Chọn View - Primary key;
2. Chọn Edit - Primary key; d) Chọn Tools - Primary key;

Câu 22. Khi đang làm việc với cấu trúc bảng, muốn lưu cấu trúc vào đĩa, ta thực hiện :

1. Tools – Save b) View – Save c) File – Save d) Format – Save

Câu 23. Để sửa cấu trúc bảng, sau khi chọn tên bảng ta nhấn nút:

1. b) c) Cả 3 nút đều sai d)

Câu 24. Trong khi làm việc với cấu trúc bảng, muốn chèn thêm một trường mới, ta thực hiện :

1. File – Insert Rows b) Tools – Insert Rows c) Edit – Insert Rows d) Insert – Rows

Câu 25. Trong khi nhập dữ liệu cho bảng, muốn chèn thêm một bản ghi mới, ta thực hiện: Insert ...........

1. Record b) New Rows c) Rows d) New Record

Câu 26. Trong Access, muốn sắp xếp các bản ghi theo thứ tự, ta thực hiện: ...........Sort

1. Tools b) Insert c) Record d) File

Câu 27. Trong Access, từ Descending có ý nghĩa gì ?

1. Sắp xếp dữ liệu theo chiều tăng dần.
2. Sắp xếp dữ liệu theo thứ tự số chẵn rồi đến lẻ.
3. Sắp xếp dữ liệu theo thứ tự số lẻ rồi đến chẵn.
4. Sắp xếp dữ liệu theo chiều giảm dần.

Câu 28. Trong Access có CSDL bài toán quản lí học sinh. Muốn hiển thị các học sinh có tên là “An” và điểm Toán: >8 thì ta chọn phương pháp nào?

1. Lọc theo ô dữ liệu b) Lọc theo mẫu c) Tìm kiếm d) Sắp xếp

Câu 29. Trong Access để hiện hộp thoại tìm kiếm ta thực hiện thao tác?

a) Chọn Edit - Find c) Chọn Edit - Replace

1. Chọn File - Print d) Chọn Insert - Table

Câu 30. Các công việc thường gặp khi xử lí thông tin của một tổ chức là:

1. Tạo lập hồ sơ, cập nhật hồ sơ, khai thác hồ sơ.
2. Khảo sát, thiết kế, kiểm thử.
3. Quản trị CSDL, lập trình ứng dụng.
4. Khảo sát, tạo lập, quản trị CSDL.

Câu 31. Để tạo lập hồ sơ, cần thực hiện những công việc gì?

1. Xác định chủ thể cần quản lý. Xác định cấu trúc hồ sơ
2. Thu thập, tập hợp thông tin. Lưu trữ thông tin
3. Cả a và b đều đúng
4. Cả a và b đều sai

Câu 32. Công việc nào sau đây là cập nhật hồ sơ?

1. Sắp xếp, sữa chữa, bổ sung (thêm).
2. Tìm kiếm, thống kê, xóa.
3. Sữa chữa, bổ sung (thêm), xóa.
4. Lập báo cáo, sắp xếp, tìm kiếm.

Câu 33. Mục đích cuối cùng của việc tạo lập, cập nhật, khai thác hồ sơ là:

1. Giúp con người lưu trữ và khai thác thông tin một cách hiệu quả.
2. Hỗ trợ quản lí các hoạt động trong xã hội.
3. Cung cấp công cụ kiểm soát, điều khiển truy cập vào CSDL.
4. Phục vụ, hỗ trợ cho quá trình lập kế hoạch, ra quyết định xử lí công việc của người có trách nhiệm.

Câu 34. Để lưu trữ và khai thác thông tin bằng máy tính cần phải có:

1. Cơ sở dữ liệu.
2. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu.
3. Các thiết bị vật lý (máy tính, đĩa cứng mạng…).
4. Tất cả đều đúng.

Câu 35. Trình tự các bước xây dựng CSDL:

1. Thiết kế 🡪 Khảo sát 🡪 Kiểm thử
2. Kiểm thử 🡪 Khảo sát 🡪 Thiết kế
3. Thiết kế 🡪 Kiểm thử 🡪 Khảo sát
4. Khảo sát 🡪 Thiết kế 🡪 Kiểm thử

Câu 36. Để tạo biểu mẫu ta chọn đối tượng nào trên bảng chọn đối tượng?

A. Queries B. Forms C. Tables D. Reports

Câu 37. Trong Access, ta có thể sử dụng biểu mẫu để :

A. Tính toán cho các trường tính toán B. Sửa cấu trúc bảng

C. Xem, nhập và sửa dữ liệu D. Lập báo cáo

Câu 38. Trong Access, muốn tạo biểu mẫu theo cách dùng thuật sĩ, ta chọn:

A. Create form for using Wizard B. Create form by using Wizard

C. Create form with using Wizard D. Create form in using Wizard

Câu 39. Trong Access, muốn tạo biểu mẫu theo cách tự thiết kế, ta chọn:

A. Create form in Design View B. Create form by using Wizard

C. Create form with using Wizard D. Create form by Design View

Câu 40. Các thao tác thay đổi hình thức biểu mẫu, gồm:

A. Thay đổi nội dung các tiêu đề B. Sử dụng phông chữ tiếng Việt

C. Di chuyển các trường, thay đổi kích thước trường D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 41. Chỉnh sửa biểu mẫu (thay đổi hình thức biểu mẫu) chỉ thực hiện được ở chế độ:

A. Thiết kế B. Trang dữ liệu C. Biểu mẫu D. Thuật sĩ

Câu 42. Trong chế độ thiết kế của biểu mẫu, ta có thể:

A. Sửa đổi thiết kế cũ

B. Thiết kế mới cho biểu mẫu , sửa đổi thiết kế cũ

C. Thiết kế mới cho biểu mẫu, xem hay sửa đổi thiết kế cũ

D. Thiết kế mới cho biểu mẫu, xem hay sửa đổi thiết kế cũ, xem, sửa, xóa và nhập dữ liệu.

Câu 43. Để làm việc trong chế độ thiết kế của biểu mẫu, ta thực hiện:

A. Chọn biểu mẫu rồi nháy nút 

B. Chọn biểu mẫu rồi nháy nút  hoặc nháy nút  nếu đang ở chế độ biểu mẫu

C. Chọn biểu mẫu rồi nháy nút  và nháy nút  nếu đang ở chế độ thiết kế

D. Chọn biểu mẫu rồi nháy nút  hoặc nháy nút  nếu đang ở chế độ thiết kế

Câu 44. Để làm việc trong chế độ biểu mẫu, ta không thực hiện thao tác nào sau đây?

A. Nháy đúp chuột lên tên biểu mẫu B. Chọn biểu mẫu rồi nháy nút 

C. Nháy nút  , nếu đang ở chế độ thiết kế D. Nháy nút , nếu đang ở chế độ thiết kế

Câu 45. Để liên kết giữa các bảng, ta chọn biểu tưởng nào sau đây:

 A.  B.  C.  D. 

Câu 50. Mẫu hỏi được dùng để làm gì?

 A. Sắp xếp các bản ghi B. Tổng hợp, hiển thị thông tin từ nhiều bảng

 C. Thực hiện các tính toán D. Tất cả đều đúng

Câu 51. Để tạo mẫu hỏi ta chọn đối tượng nào trên bảng chọn đối tượng?

A. Queries B. Forms C. Tables D. Reports

Câu 52. Trong Access, muốn tạo mẫu hỏi theo cách dùng thuật sĩ, ta chọn:

A. Create form for using Wizard B. Create queries by using Wizard

C. Create form with using Wizard D. Create form in using Wizard

Câu 53. Trong Access, muốn tạo mẫu hỏi theo cách tự thiết kế, ta chọn:

A. Create queries in Design View B. Create form by using Wizard

C. Create form with using Wizard D. Create form by Design View

Câu 54. Khi cần in dữ liệu theo một mẫu cho trước, cần sử dụng đối tượng:

A. Báo cáo B. Bảng C. Mẫu hỏi D. Biểu mẫu

Câu 55. Báo cáo thường được sử dụng để:

A. Thể hiện được sự so sánh và tổng hợp thông tin từ các nhóm dữ liệu

B. Trình bày nội dung văn bản theo mẫu quy định

C. A và B đều đúng

D. A và B đều sai

Câu 56. Để làm việc với báo cáo, chọn đối tượng nào trong bảng chọn đối tượng?

A. Tables B. Forms C. Queries D. Reports

Câu 57. Đối tượng nào sau đây không thể cập nhật dữ liệu?

A. Bảng, biểu mẫu B. Mẫu hỏi, báo cáo C. Báo cáo D. Bảng

Câu 58. Giả sử bảng HOCSINH gồm có các trường MAHS, HOTEN, DIEM. LOP. Muốn hiển thị thông tin điểm cao nhất của mỗi lớp để sử dụng lâu dài, trong Access ta sử dụng đối tượng nào trong các đối tượng sau?

A. Reports B. Queries C. Forms D. Tables

Câu 59. Chọn phát biểu sai trong các phát biểu sau?

A. Có thể định dạng kiểu chữ, cỡ chữ cho các tiêu đề và dữ liệu trong báo cáo

B. Lưu báo cáo để sử dụng nhiều lần

C. Báo cáo tạo bằng thuật sĩ đạt yêu cầu về hình thức

D. Có thể chèn hình ảnh cho báo cáo thêm sinh động

Câu 60. Với báo cáo, ta không thể làm được việc gì trong những việc sau đây?

A. Chọn trường đưa vào báo cáo B. Lọc những bản ghi thỏa mãn một điều kiện nào đó

C. Gộp nhóm dữ liệu D. Bố trí báo cáo và chọn kiểu trình bày